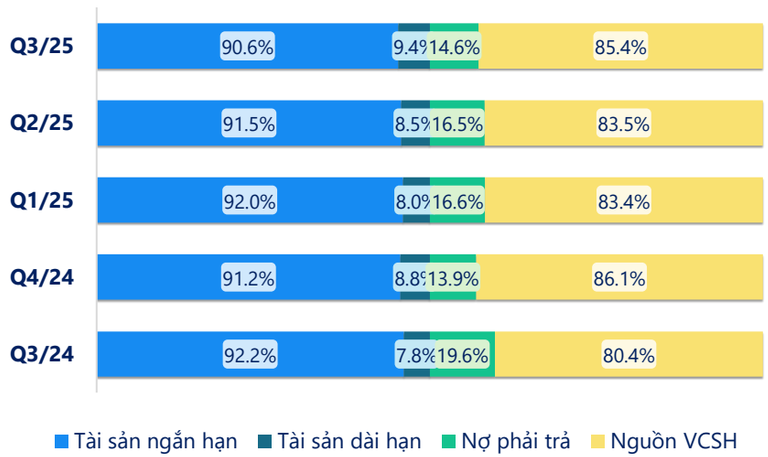
FireAnt

CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội (UPCOM: HSP)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	14,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,173
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,722
SL cổ phiếu LH	12,027,086
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,955
% sở hữu nước ngoài	3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	172
P/E	7.0
EPS	2,043

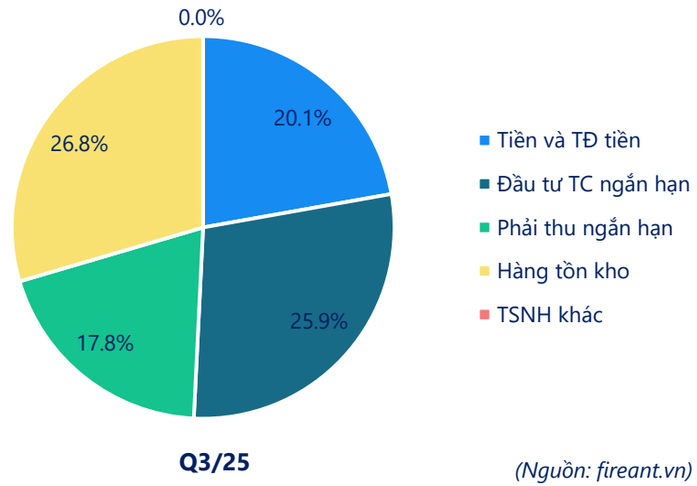
	YTD	1T	3T	6T
HSP	31.2%	-4.0%	-2.7%	-4.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



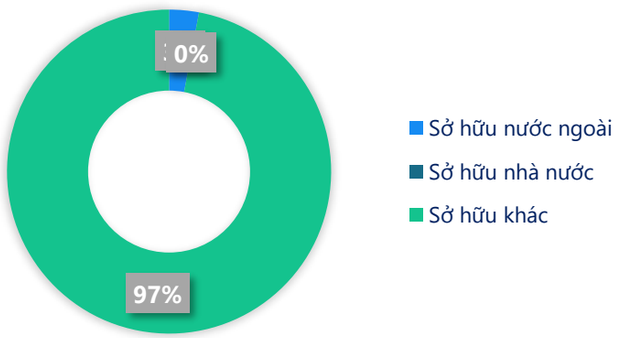
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



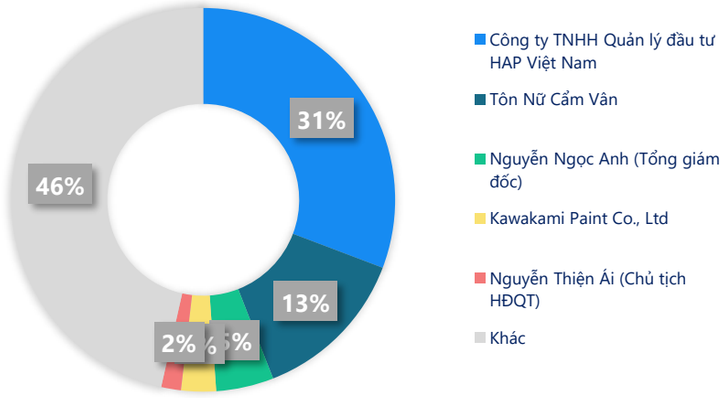
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



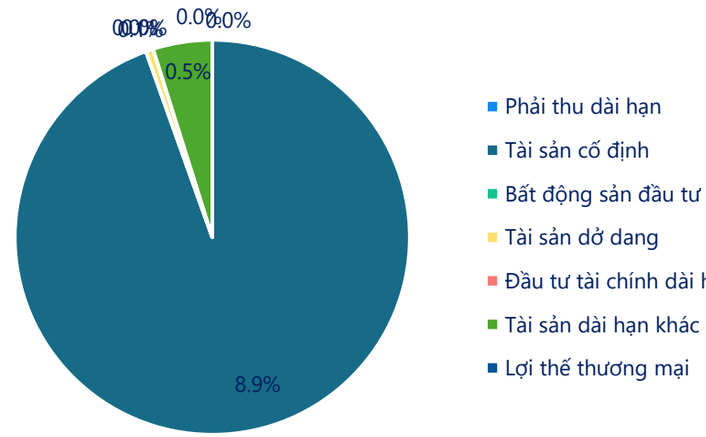
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

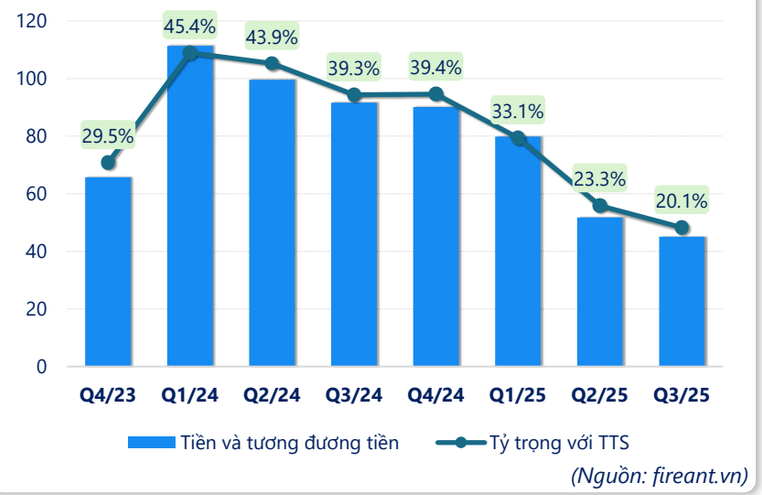


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

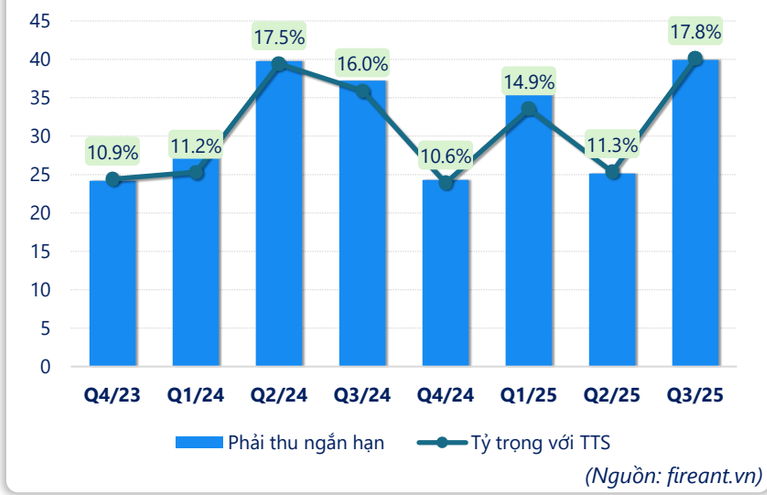
CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội (UPCOM: HSP)

Tiền và tương đương tiền



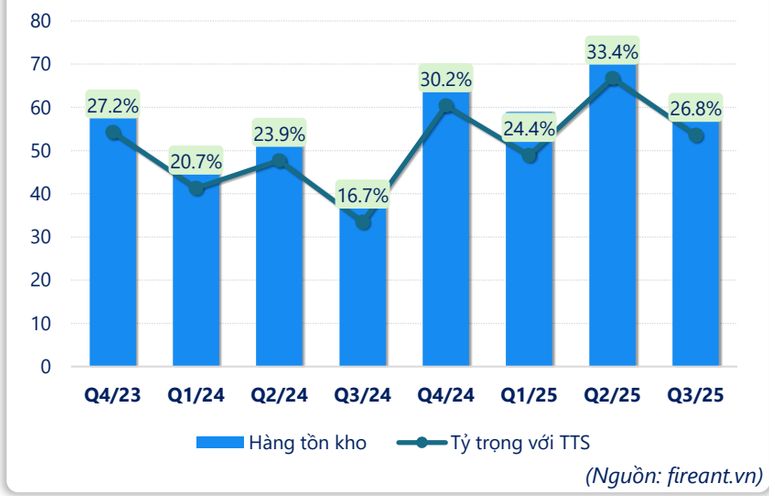
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



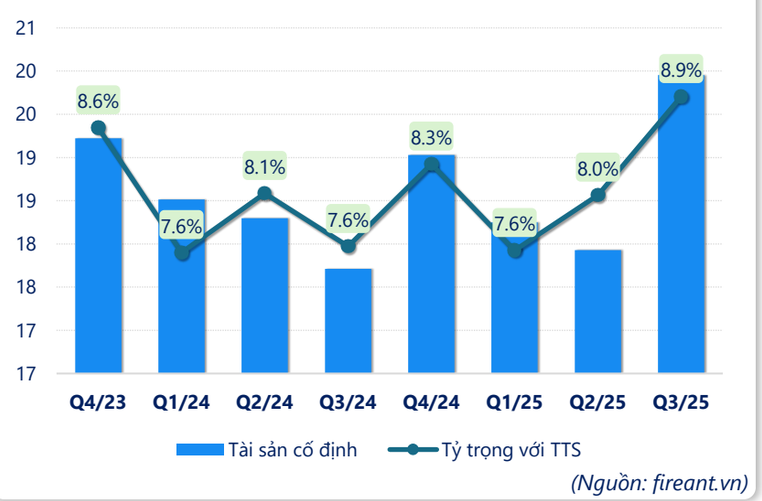
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



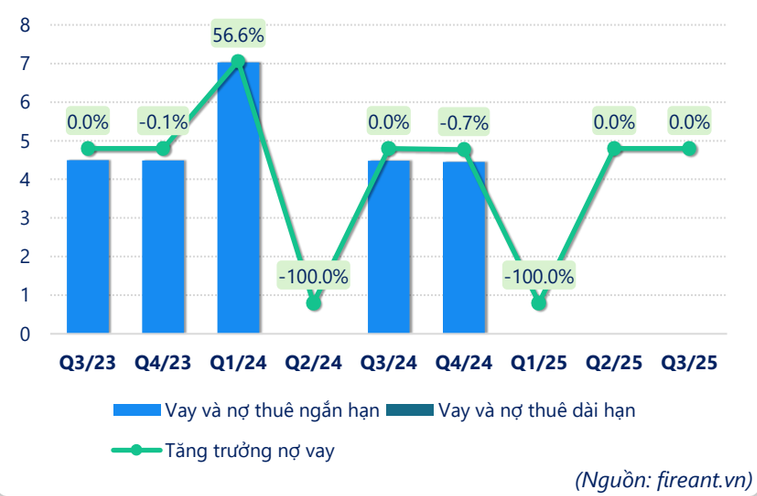
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



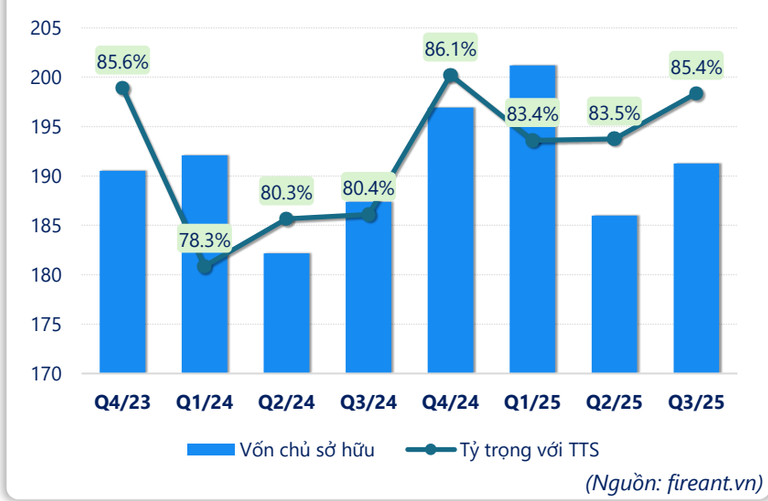
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

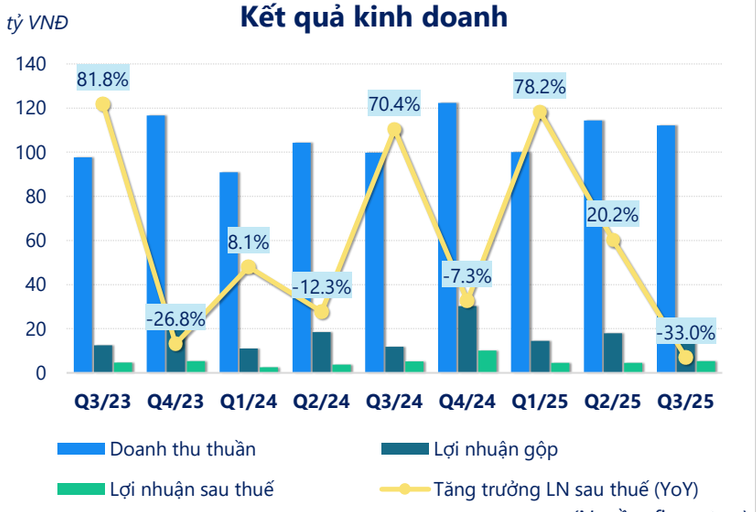
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

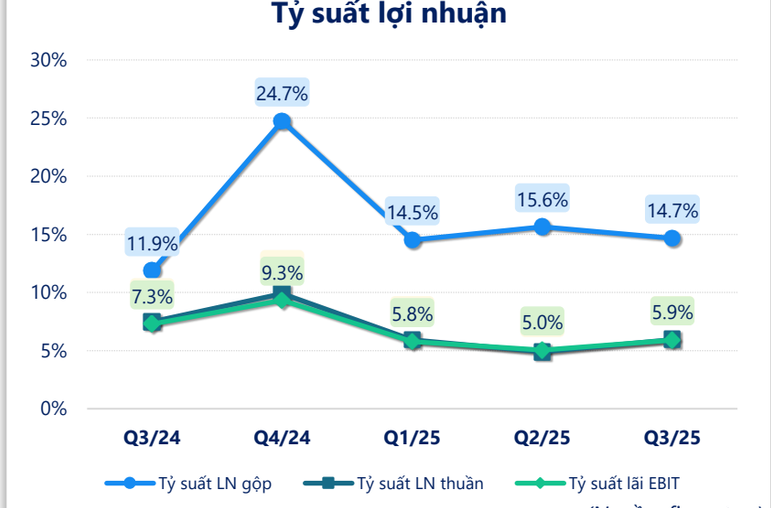
CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội (UPCOM: HSP)

Kết quả kinh doanh



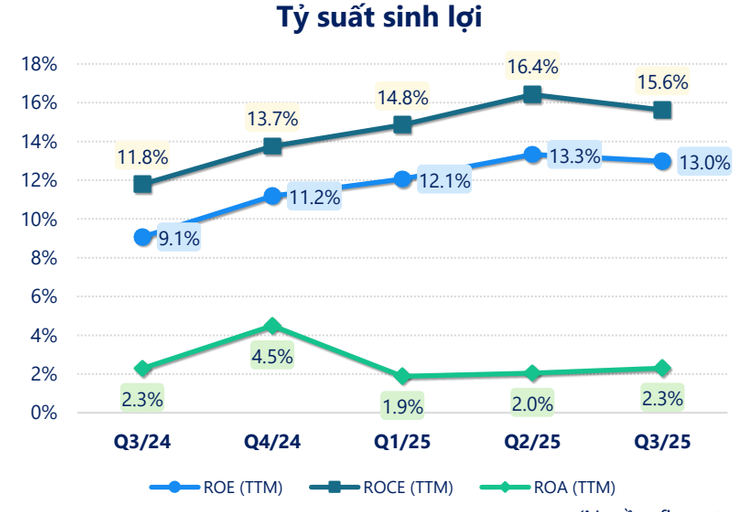
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



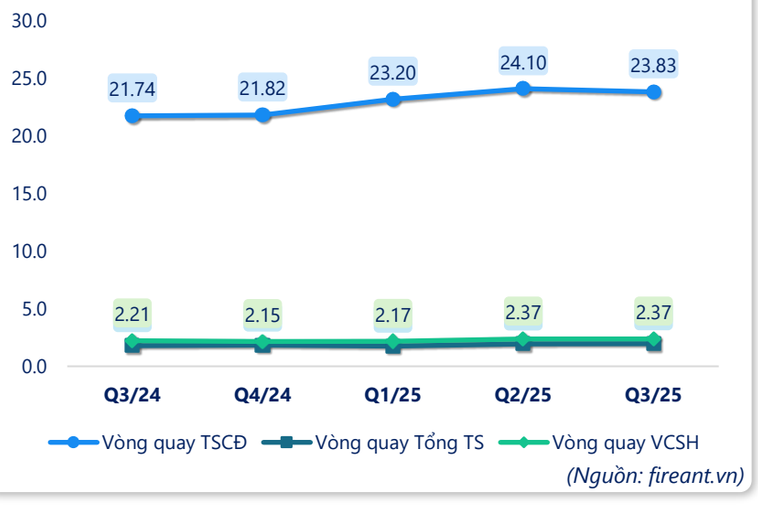
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



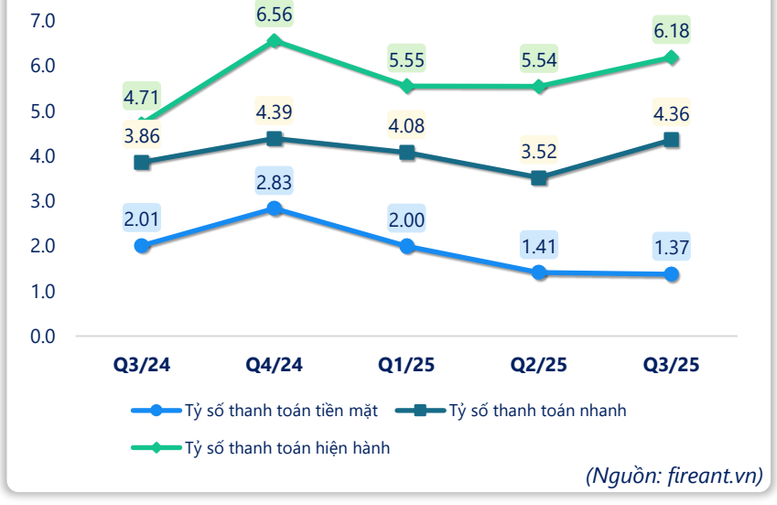
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



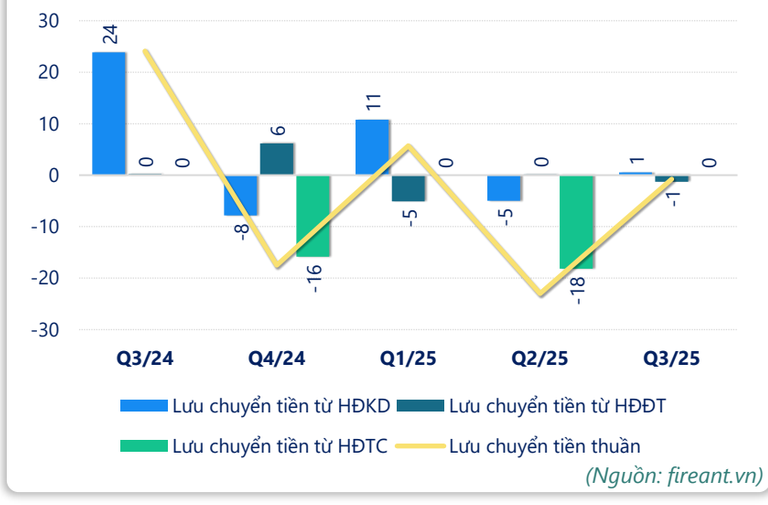
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội (UPCOM: HSP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**224**	**229**	**-2.1%**
Tài sản ngắn hạn	203	209	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	45.1	90.1	-50.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.0	25.0	132%
Phải thu ngắn hạn	39.9	24.3	64.4%
Hàng tồn kho	60.0	69.1	-13.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.12	-100.0%
Tài sản dài hạn	**21.1**	**20.2**	**4.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	20.0	19.0	4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.13	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.02**	**1.21**	**-15.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.8	32.2	2.0%
Nợ ngắn hạn	**32.8**	**32.2**	**2.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.6	7.84	60.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**191**	**197**	**-2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**191**	**197**	**-2.7%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	99.8	122	100	114	112
Giá vốn hàng bán	87.9	92.1	85.5	96.5	95.7
Lợi nhuận gộp	11.8	30.3	14.5	17.9	16.4
Doanh thu HĐTC	1.39	-0.14	0.92	0.42	0.71
Chi phí TC	0	2.43	1.01	1.16	0.76
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.45	5.23	3.29	4.51	2.41
Chi phí QLDN	3.31	10.4	5.21	7.02	7.32
LN thuần từ HĐKD	7.46	12.1	5.94	5.61	6.66
Lợi nhuận khác	-0.19	-0.70	-0.17	0.17	-0.03
LN trước thuế	7.27	11.4	5.76	5.77	6.63
Lợi nhuận sau thuế	5.23	10.1	4.58	4.59	5.26
LNST của CĐ cty mẹ	5.23	10.1	4.58	4.59	5.26

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.9	-7.84	10.8	-4.95	0.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.22	6.16	-5.08	0.14	-1.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-15.8	0	-18.2	0
Tiền đầu kỳ	56.5	80.6	63.1	68.8	45.8
Lưu chuyển tiền thuần	**24.1**	**-17.5**	**5.70**	**-23.0**	**-0.76**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	80.6	63.1	68.8	45.8	45.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic